

BÀN VỀ ẨN DỤ Ý NIỆM 水/NƯỚC VỚI CON NGƯỜI TRONG TIẾNG HÁN

PGS.TS. CẨM TÚ TÀI¹

¹ Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội ✉ camtutai@gmail.com
Ngày nhận: 01/12/2016; Ngày hoàn thiện: 23/01/2017; Ngày duyệt đăng: 26/01/2017
Phản biện khoa học: PGS.TS. PHẠM NGỌC HÂM, TS. ĐÌNH QUANG TRUNG

TÓM TẮT

Nước là nguồn cội của sự sống, là một trong những hợp chất cấu tạo và nuôi dưỡng mọi sinh vật trên trái đất. *Nước* gắn bó mật thiết với mỗi người, mỗi dân tộc và các nền văn hóa. Trong tiếng Hán và văn hóa Trung Quốc, *nước* được ánh xạ tới rất nhiều hiện tượng, sự vật và sự tình. Dựa trên lý thuyết ẩn dụ ý niệm của Lakoff và Johson (1980), bài viết sơ bộ phân tích về một số mô hình ẩn dụ khúc xạ qua thành tố *nước* đến miền đích con người được biểu đạt qua lớp từ vựng tiếng Hán. Nghiên cứu cho thấy, *nước* với những thuộc tính vốn có của nó qua quá trình tư duy, tri nhận mang đặc trưng văn hóa dân tộc đã đóng vai trò là miền nguồn ánh xạ tới *diện mạo, đặc điểm tính cách, tâm, trạng, tình cảm, phẩm chất, trí tuệ, công sức và nghị lực của con người*. Kết quả nghiên cứu nhằm góp thêm tài liệu tham khảo trong dạy học, đối chiếu, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Từ khóa: *ẩn dụ ý niệm, tiếng Hán, tri nhận, văn hóa.*

1. MỞ ĐẦU

Ý nghĩa ẩn dụ của *nước* trong tiếng Hán khá đa dạng, thể hiện rõ nét đặc điểm tri nhận, khả năng tư duy liên tưởng, gắn *nước* với con người, xã hội và tự nhiên. Ẩn dụ ý niệm của *nước* không chỉ là vấn đề thuần túy ngôn ngữ, mà còn là vấn đề văn hóa hết sức lý thú. Là một trong ngũ hành, dưới góc nhìn của người Trung Quốc, *nước* có rất nhiều đặc tính phức tạp. Ngoài ý nghĩa tích cực ra, *nước* còn có thể gây ra những hậu họa cho đời sống con người, phản ánh tính hai mặt của cùng một sự vật. Trong khuôn khổ bài viết này, dựa trên lý thuyết ẩn dụ ý niệm của Lakoff và Johson (1980), chúng tôi sẽ phân tích về một số mô hình ẩn dụ ý niệm khúc xạ qua thành tố *nước* đến miền đích con người được biểu đạt qua một số câu thơ, lời hát, thành ngữ và tục ngữ tiếng Hán. Nhằm góp thêm tài liệu tham khảo trong dạy học, đối chiếu, nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

2. ẨN DỤ VÀ ẨN DỤ Ý NIỆM

2.1. Theo quan niệm truyền thống, các nhà nghiên cứu đã nhận xét: “*Ẩn dụ là phép thay thế tên gọi hoặc*

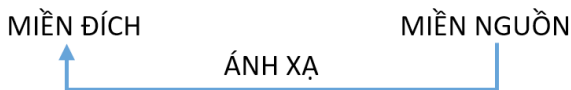
chuyển đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng khác dựa trên cơ sở sự liên tưởng đồng nhất hóa chúng theo đặc điểm, thuộc tính nào đó cùng có ở chúng” (Lí Toàn Thắng, 2005). Ẩn dụ dựa trên cơ sở nghĩa đen (nghĩa sơ cấp) của từ, nhưng nghĩa của ẩn dụ không phải là một nét nghĩa trong từ đa nghĩa, ẩn dụ liên quan đến cách dùng từ, nghĩa là nó thuộc phạm vi lời nói. Ẩn dụ cũng không phải là sự so sánh thông thường, nghĩa là nhờ mối liên hệ giữa các sự vật, giúp ta nhìn thấy đối tượng này thông qua đối tượng khác. Vì vậy, có thể thấy, ẩn dụ là một phương thức của tư duy.

Nghiên cứu ẩn dụ đã được các học giả thực hiện từ lâu và vốn được coi là một hiện tượng tu từ trong ngôn ngữ, tức là mượn hình ảnh của một sự vật, sự việc để biểu đạt một sự vật hay một sự việc khác. Đến cuối thế kỷ XX, Lakoff và Johson (1980) đã nêu ra khung lý thuyết ẩn dụ tri nhận, còn gọi là ẩn dụ ý niệm, theo đó, “*Ẩn dụ không chỉ là một biện pháp tu từ văn học, mà còn là một công cụ tri nhận hữu hiệu để con người ý niệm hóa các các loại hình trừu tượng. Ẩn dụ do vậy không chỉ là một phương thức diễn đạt ý nghĩ bằng ngôn ngữ mà còn là một phương thức tư duy về sự vật*”

(Phan Thế Hưng, 2007). Sau này, các nhà khoa học về ngôn ngữ và triết học tiếp tục xây dựng và hoàn thiện lí thuyết ẩn dụ ý niệm để mô tả cách chúng ta hiểu các khái niệm trừu tượng qua hiện thực hoá những trải nghiệm của mình.

2.2. Ngôn ngữ học tri nhận hiện đang là một trong những khuynh hướng thu hút sự quan tâm của giới ngôn ngữ học. Ẩn dụ ý niệm được coi là phương tiện tri nhận các ý niệm trong mối quan hệ giữa ngôn ngữ và thao tác tư duy của con người trên cơ sở phân loại theo tính ước lệ, chức năng, bản chất và mức độ khái quát hóa (Nguyễn Đức Tôn, 2002). Từ kinh nghiệm và suy luận lô-gíc, con người hiểu và diễn đạt được một khái niệm trừu tượng thông qua một khái niệm khác cụ thể hơn dựa trên nền văn hóa và những trải nghiệm của người bản ngữ về thế giới khách quan. Tức là, một đối tượng thuộc không gian MIỄN ĐÍCH được hiểu qua lăng kính ánh xạ từ một đối tượng thuộc không gian khác là MIỄN NGUỒN. Quá trình ánh xạ được khái quát như sau:

Sơ đồ: Ánh xạ miễn nguồn tới miễn đích



MIỄN NGUỒN có chức năng cung cấp thông tin, tri thức, hình ảnh cụ thể được hình thành qua sự trải nghiệm của bản thân con người thông qua các hoạt động tri giác không gian, tác động tới vật thể và cảm nhận thế giới khách quan, sau đó chuyển sang cho MIỄN ĐÍCH.

MIỄN ĐÍCH với những ý niệm thường mang tính trừu tượng và không thể tiếp xúc được bằng các giác quan, chúng ta chỉ có thể cảm nhận và tri nhận chúng bằng trí óc, vốn đang khuyết những thông tin, tri thức, hình ảnh cụ thể, nhờ có sự chuyển di từ MIỄN NGUỒN sang, không gian tư duy phức tạp, trừu tượng và không thể cảm nhận trực tiếp đã trở thành một không gian tư duy đơn giản, cụ thể và có thể cảm nhận trực tiếp được.

ÁNH XẠ (đổ chiếu, khúc xạ, phóng chiếu, chuyển di) là quá trình thực hiện thao tác chuyển di những đặc trưng của MIỄN NGUỒN sang MIỄN ĐÍCH trên cơ sở những quan hệ liên quan trong sự tri nhận của người bản ngữ, nhằm làm rõ hơn ý niệm của MIỄN ĐÍCH.

Ẩn dụ ý niệm đã tạo ra sự mới mẻ trong phong cách cảm nhận thế giới khách quan, mở ra mối liên hệ giữa

các sự vật, hiện tượng với nhau và mối liên hệ giữa thực tế khách quan với chính bản thân con người. Đồng thời, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về quá trình tư duy, nhận thức thế giới của con người và đặc trưng văn hóa dân tộc của người bản ngữ. Theo Lakoff, Johson và Kovecses, ẩn dụ ý niệm được chia thành ba loại, gồm: ẩn dụ cấu trúc, ẩn dụ bản thể và ẩn dụ định hướng (Lí Toàn Thắng, 2005).

Ẩn dụ cấu trúc: Là loại ẩn dụ có ý niệm miễn đích được cấu trúc theo lối ẩn dụ trên cơ sở ý niệm miễn nguồn, giữa chúng có một hệ thống yếu tố tương ứng nào đó. Tức là miễn nguồn là cơ sở giúp ta hiểu được cấu trúc của ý niệm miễn đích.

Ẩn dụ bản thể: Là loại ẩn dụ trong đó những sự vật và hiện tượng vốn tồn tại không có ranh giới rõ ràng. Giữa ý niệm miễn nguồn và ý niệm miễn đích không có những yếu tố tương ứng về cấu trúc một cách rõ ràng. Các sự kiện, hành động, cảm xúc, tư tưởng, trạng thái... vốn là những khái niệm trừu tượng được ý niệm hóa thành những vật thể hoặc chất thể. Trong đó, sự kiện và hành động được ý niệm hóa là vật thể, hoạt động là vật chất và trạng thái là vật chứa đựng.

Ẩn dụ định hướng: Là loại ẩn dụ cấu trúc hóa một số miễn và tạo nên hệ thống ý niệm hóa chung liên quan đến định hướng trong không gian với cặp đối lập như trên - dưới, trong - ngoài, trước - sau, lên - xuống, tạo nên các sắc thái đánh giá tích cực hoặc tiêu cực.

Để tập trung làm rõ nội dung vấn đề, trong khuôn khổ dung lượng bài viết này, tác giả bài viết chỉ giới hạn bàn luận về một số mô hình ẩn dụ ý niệm cấu trúc được khúc xạ qua MIỄN NGUỒN là thành tố nước đến MIỄN ĐÍCH là con người trong tiếng Hán. Chi tiết như sau:

3. ẨN DỤ Ý NIỆM MIỄN “水/NƯỚC” VỚI CON NGƯỜI TRONG TIẾNG HÁN

Bảng: Mô hình ẩn dụ ý niệm cấu trúc về Nước với con người trong tiếng Hán

TT	Các trường nghĩa ẩn dụ về nước với con người
1	Nước là vẻ đẹp của người phụ nữ
2	Nước là tính cách con người
3	Nước là tâm trạng và tư tưởng
4	Nước là tình cảm
5	Nước là phẩm hạnh
6	Nước là trí tuệ
7	Nước là công sức, ý chí và nghị lực



3.1. Nước là vẻ đẹp của người phụ nữ

Nước mang lại cho chúng ta cảm giác nhẹ nhàng thanh thoát, mềm mại, thuần khiết, thư thái, ấm áp và dạt dào cảm xúc, tựa như ta đang ở bên cạnh một thiếu nữ dịu hiền. Nước là sự thuần khiết tươi trẻ, tạo nên linh khí, vẻ đẹp của cuộc sống. Từ tiếng Hán “秋水/Làn thu thủy” – suối nguồn tươi mát mùa thu, vẻ đẹp tuyệt sắc của làn nước đã đi vào bao áng thơ văn trữ tình, tạo nên thần sắc của con người. Từ thực tiễn trải nghiệm này, mọi người đã ví von “nước” giống như “nét đẹp của người con gái” qua các từ ngữ như: “出水芙蓉/Đóa phù dung nở trên mặt nước”, “带雨梨花/Hoa lê dính hạt mưa sa”, “冰肌玉骨/Làn da như tuyết như ngọc/Trong ngọc trắng ngà”... Nhà văn Tào Tuyết Cần đã mượn lời nói của nhân vật Giả Bảo Ngọc diễn đạt như sau:

(VD1) “女人是水做的/Người con gái là hóa thân từ nước”. (Tào Tuyết Cần “Hồng Lâu Mộng” hồi 2) (<http://www.newxue.com/jingdianyulu/134466164610869.html>).

Tuy vậy, trong lịch sử Trung Quốc, đã có không ít phụ nữ có nhan sắc đẹp khiến cho nhiều đấng mày râu, anh hùng thân bại danh liệt, thậm chí tan nát nhà cửa, bộ tộc và đất nước bị diệt vong, như Tây Thi, Vương Chiêu Quân, Điêu Thuyền, Dương Quý Phi... Do vậy, nhiều người con gái đẹp đã bị ví là “祸水/nước gây ra họa/mầm họa và bị người đời chê cười”. Câu nói “红颜祸水/người phụ nữ đẹp là tai họa nước/mầm họa hồng nhan” chính là diễn đạt nghĩa tiêu cực này.

3.2. Nước là tính cách của con người

Trạng thái mềm mại của làn nước thường được ví với tính cách dịu dàng của phụ nữ. Tuy vậy, cũng có lúc nếu “nước” không được chế ngự tốt, sẽ dâng cao, sục sôi, lan tràn ra ngoài, mang đến những tai ương họa nạn. Từ nhận thức này, trong tiếng Hán đã có các lối diễn đạt như sau:

(VD2) 女人的特性便 温柔如水 浅笑涟涟	Tính cách con gái mềm mại như làn nước, Nụ cười mềm mại như sóng gợn trên môi. 《女人是水做的》诗集/ Tập thơ “Con gái là hóa thân của nước” (http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml).
------------------------------	---

因为女人是水做的
亲爱的
请别惹我伤心
我的眼泪宛若黄河
之水天上来
奔流汹涌便无法止息
我怕汇成海洋将你
湮没

*Vi con gái là hóa thân của nước,
Nên anh yêu
Xin đừng làm em đau khổ
Nước mắt em giống như
nước Hoàng Hà tuôn chảy.
Em sợ rằng sẽ tụ thành biển
lớn chìm ngập anh.*
(《女人是水做的》诗集/
Tập thơ “Con gái là hóa thân của nước”) (<http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml>).

Nước nhìn bề ngoài tưởng chừng rất dịu dàng, mềm yếu, nhưng thực chất rất mạnh mẽ. Nước được coi là nhu khắc cương, “水滴石穿/nước nhỏ giọt lâu dài cũng xuyên qua đá”, “水落石出/nước chảy đá mòn”... Do đó, nước được coi là có năng lượng vô thức, có sức mạnh khó đoán định của thiên nhiên. Biểu trưng cho tính cách can trường, mạnh mẽ của con người.

Với những phụ nữ có nhan sắc đẹp, thường trở thành tâm điểm chú ý của nhiều người, nếu bản thân không chế ngự tốt, buông thả phóng túng tình cảm, thì sẽ dễ bị quyến rũ, mê hoặc, trở thành mất nết, đa đoan, hư hỏng. Tiếng Hán dùng “水性杨花/hoa dương trôi nước” ví người con gái phong lưu tựa như cánh hoa dương trôi nổi, thay đổi theo dòng nước chảy.

3.3. Nước là tâm trạng và tư tưởng

Nước có muôn hình vạn trạng khác nhau, có lúc lăn tăn gợn sóng dập dờn, có lúc trào dâng xô đẩy, có lúc bình yên, phẳng lặng như tờ, được ví với cảm xúc vui, buồn, yêu, ghét của tâm trạng con người, cũng chính từ đây đã hình thành nên tư tưởng và suy nghĩ của con người. Do đó, suy tư của con người cũng giống như nước, có ngọn nguồn, dòng mạch và hướng chảy. Trong tiếng Hán thường diễn đạt: “思想源泉/cội nguồn tư tưởng”, “思潮/dòng tư tưởng”, “浸入水中/đắm chìm trong nước: đi sâu vào trạng thái hoạt động tư duy”, “急水也有回头浪/nước chảy xiết cũng có sóng ngược chiều: trong điều kiện thuận lợi cũng cần chuẩn bị tư tưởng để dự phòng khó khăn nảy sinh”...

Những tâm trạng và cảm xúc thường tiềm ẩn vô hình trong mỗi con người và không thể sờ mó được, tuy nhiên đã được miễn nguồn – Nước ánh xạ đến miễn đích – tâm trạng, giúp cho cảm xúc được diễn đạt trở nên cụ thể hơn như: “心静如水/lòng tĩnh như nước”, “心如止水/tâm như nước lặng”...

Lí Bạch đã viết trong bài 《宣州谢朓楼钱别校书叔云》/Trên lầu Tạ Diểu tiễn biệt hiệu thư Thúc Vân (Trần Trọng Kim - tuyển dịch (1995) như sau:

(VD 3) 抽刀断水水更流, 举杯消愁愁更愁	<i>Rút dao chém nước, nước trôi, Tiêu sầu nhấc chén, lại dòi nỗi sầu.</i>
----------------------------	---

Hai câu thơ trên đã diễn tả nỗi lòng buồn sầu của nhà thơ tựa như nước tuôn chảy không có điểm dừng. Dao dù sắc chém xuống dòng nước nhất thời có thể ngăn nước chảy trong giây lát, nhưng rồi nước lại càng chảy xiết hơn. Tựa như nhà thơ có thể mượn rượu tạo ra cảm giác say, để nhất thời quên được nỗi buồn, nhưng khi tỉnh lại nỗi ưu sầu lại càng náo nức gấp bội.

(VD 4) 沉湘流不尽, 屈子怨何深 Nguyên Tương lưu bất tận, Khuất Tử oán hà thâm	<i>Nguyên Tương chảy mãi không ngừng, nỗi oán trách của Khuất Tử sâu tới mức nào</i>
--	--

Đời Thúc Luân đã viết ra câu thơ này trong bài “《过三间庙》/Qua ba gian miếu” (<http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml>), ví nỗi buồn hận, oán trách của Khuất Tử giống như nước sông Nguyên Tương chảy mãi không ngừng.

Lí Ích trong bài “《宫怨》/Cung oán” (<http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml>) đã viết:

(VD 5) 似将海水添宫漏, 共滴长门一夜长/Như thêm nước biển vào đo thời gian trong cấm cung, đêm dài ở Trường Môn biết bao giờ mới hết.

Câu thơ trên đã diễn tả tâm trạng buồn sầu của con người, khó đong đếm được như lượng nước trong đại dương.

Nhà thơ Đỗ Phủ cũng dùng câu:

(VD 6) 水静楼阴直, 山昏塞日斜 Thủy tĩnh lâu âm trực, Sơn hôn tái nhật tà.	<i>Mặt nước phẳng lặng soi bóng lâu gác, mặt trời xuống núi hoàng hôn bao trùm</i> (Đỗ Phủ 《遣怀》/ Khiển hoài) (Trần Trọng Kim - tuyển dịch, 1995).
---	--

Ý thơ đã miêu tả sự cô quạnh của nhà thơ trong dáng hoàng hôn lạnh lẽo, khiến cho tâm trạng càng trở nên bi sầu.

3.4. Nước là tình cảm

Tình cảm mang đến cho chúng ta sự ấm áp, gắn bó và sức mạnh. Cho dù là ở đâu, lúc nào, là người giàu có hay kẻ khốn khó, tình cảm cũng luôn tạo ra sự gắn bó, động lực sống và hạnh phúc cho mình. Vì vậy, tình cảm với cuộc sống mỗi người là điều vĩnh hằng, thiêng liêng và không thể thiếu được. Giống như cuộc sống không thể thiếu được nguồn nước, thể hiện qua các khái niệm trừu tượng, cũng có thể là sự vật cụ thể, mà các nhà thơ đã lấy đặc trưng của nước để diễn tả các cung bậc tình cảm khác nhau. Ví dụ: “高山流水/ Cao sơn lưu thủy – Nước chảy trên núi cao/bạn tri kỷ”; “柔情似水/Như tình tựa thủy – Tình nồng như làn nước/tình yêu nam nữ quyến luyến bên nhau”; “望穿秋水/Vọng xuyên thu thủy – Mong chờ xuyên nước mùa thu/mong ngóng bạn hiền nơi xa”....

Nước từ trong nguồn chảy ra, bao dung tới vạn vật trên trái đất, giống như người mẹ khi sinh ra những đứa con đã truyền máu thịt, nguồn dinh dưỡng cho con lớn lên. Trên thế gian này, chỉ có duy nhất người mẹ là luôn luôn mở rộng cõi lòng, sẵn sàng cho các con tất cả những gì mình có, luôn dõi theo mỗi bước đường con đi và luôn mong các con sớm đến bến bờ hạnh phúc. Vì vậy, ví nước giống như tình cảm của người mẹ là vô cùng xác đáng. Tiếng Hán diễn đạt như sau:

(VD 7) 大海, 母亲硕大的子宫 孕育着一轮新生的红日 所以, 请别说海水是咸的 那是支撑骨架成形的珍珠 不要说海水是苦涩的 那是母亲阵痛的眼泪 别说海水是清冷的 那是毛铁成钢, 必经的淬火 从母亲的瞳孔望去 生命的暖色, 弥漫开来。	<i>Biển cả, tấm lòng bao la của người mẹ, Ấp ủ thai nhi như vầng dương vừa mọc. Do vậy, đừng nói rằng nước biển là mặn, Đó là châu ngọc tạo hình hài xương cốt. Đừng cho rằng nước biển là đắng chát, Đó chính là hàng lệ đau đớn của người mẹ. Và đừng cho rằng nước biển là giá lạnh, Phôi sắt muốn trở thành gang thép, phải qua nước lửa tôi rèn. Hãy nhìn sâu vào đáy mắt mẹ, Sẽ thấy ngập tràn hơi ấm cuộc đời. (水, 生命之源 / Nước: cội nguồn của sự sống) (http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml).</i>
--	--



<p>(VD 8) 大海啊大海， 就像妈妈一样， 走遍天涯海角， 总在我身旁。</p>	<p><i>Hồi biển cả bao la, Giống như lòng của mẹ, Dù con đến nơi góc bể chân mây, Người vẫn luôn ở bên con.</i> (Đổng Văn Hoa 《大海在呼唤》 /lời bài hát “Tiếng gọi nơi biển cả”)(http://www.newxue.com/jingdianyulu/134466164610869.html).</p>
---	--

Trong “Kinh thi 《诗经》” đã từng miêu tả dòng nước mềm mại là biểu tượng duyên mối của tình yêu như sau:

(VD 9) “关关雎鸠，在河之洲，窈窕淑女，君子好逑……./Quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu: Thư cưu ứng đối, tại côn sông bồi. Gái hiền thùy mị, Quân tử đẹp đôi...” (http://blog.sina.com.cn/s/blog_405935730101dv69.html).

Đỗ Phủ đã viết trong bài “《登岳阳楼》 登岳阳楼 /Lên lầu Nhạc Dương” (G. Lakoff and M. Johnson, 1980) như sau:

(VD 10) “吴楚东南坼、乾坤日夜流/ Ngô Sở chia tách hai phía đông nam, đất trời đêm ngày chảy cùng nước”

Hồ Động Đình rộng lớn đã chia cắt hai nước Ngô-Sở. Chỉ có trăng, sao, mây, trời giao hòa với hồ nước. Hồ nước có thể chứa đựng được cả vũ trụ, tựa như tấm lòng rộng mở trải khắp thế gian, vượt qua tuổi tác thời gian, sóng gió cuộc đời cô đơn của nhà thơ. Sóng nước hồ Động Đình đã diễn tả cõi lòng khoáng đạt, tình cảm sâu nặng với cuộc đời của nhà thơ.

Lí Bạch trong bài “《赠汪伦》 /Tặng Ông Luân” (Trần Trọng Kim - tuyển dịch, 1995) có câu:

(VD 11) “桃花潭水深千尺，不及汪伦送我情/Nước đầm Hoa Đào sáu nghìn trượng, nào sánh được tình cảm Ông Luân với mình”

Câu thơ đã miêu tả tình bạn của Ông Luân đối với nhà thơ còn sâu hơn nước đầm Hoa Đào.

Lí Thiệp trong một đêm thao thức đã dùng tiếng nước suối chảy róc rách để diễn tả tình cảm bi sầu tha hương, và cuộc đời sóng gió của mình trong với bài “《在宿武关》 /Nghỉ tại Vũ Quan” (<http://www.newxue.com/jingdianyulu/134466164610869.html>):

(VD 12) “关门不锁寒溪水，一夜潺湲送客愁/Quan môn bất tỏa hàn khê thủy, nhất dạ sần viên tống khách sầu – Cánh cửa đồ sộ như Vũ Quan cũng không chặn được dòng suối lạnh, dòng nước lững lờ trong đêm tiễn đưa nỗi buồn của lữ khách”

Nguyên Chân với bài “《离思》 /Li tứ” (<http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml>) đã biểu đạt tình cảm tiếc thương sâu nặng của mình với người vợ đã mất qua câu:

(VD 13) “曾经沧海难为水，除去巫山不是云/Tằng kinh Thương Hải nan vi thủy, trừ khử Vu sơn bất thị vân – Đã qua Thương Hải thì khó có nước nơi nào là đẹp nữa, không núi nào có mây đẹp như Vu Sơn”

Qua hình ảnh sông nước Thương Hải mênh mông, nhà thơ không còn cảm nhận thấy cái đẹp làn nước nơi khác của nữa. Vu Sơn có đỉnh Chiêu Vân cao như chạm tới mây trời, mây nơi khác không thể sánh được. Với nhà thơ, người vợ đã mất được ví như Thương Hải, Vu Sơn. Không cô gái nào khác có thể thay thế, giành được tình yêu của nhà thơ như dành cho vợ mình. Tình yêu này là vĩnh hằng.

Lí Bạch trong bài “《江夏行》 /Giang hạ hành” (Trần Trọng Kim - tuyển dịch, 1995) đã viết:

(VD 14) “眼看帆去远，心逐江水流/Nhãn khán phàm khứ viễn, tâm trục giang thủy lưu – Mắt nhìn cánh buồm xa khơi, lòng theo con nước cùng đi với thuyền”

Ý của hai câu thơ trên diễn tả tình cảm nhớ nhung của người thiếu phụ có chồng là thương nhân đang ngồi thuyền giong buồm đi xa. Tình cảm của người vợ dường như đang đuổi theo con nước chảy đến cập mạn con thuyền có người chồng đang ngồi.

Các ví dụ trên đã miêu tả tình thân, tình bạn và cả tình yêu qua miễn ẩn dụ ý niệm nước là tình cảm của con người.

3.5. Nước là phẩm hạnh

Nước biểu trưng cho sự trong sạch. Bản thân nước có tính năng làm sạch, gột rửa và trung hòa. Nước còn giúp chữa khỏi một số bệnh tật, giúp cho con người tươi trẻ. Do đó, nước được coi là thiêng liêng, được dùng trong các nghi lễ tắm gội, xóa bỏ mọi lỗi lầm và mọi vết nhơ. Trong tiếng Hán, nước được ví như người có phẩm cách tốt đẹp qua cách diễn đạt: “上盖若水/ Thượng cái nhược thủy – Tươi cho vạn vật như nước/nước tưới mát cho vạn vật nhưng không tranh giành thứ gì”, “饮水思源/ ẩm thủy tư nguyên - uống

nước nhớ nguồn”, “静水流深/Tĩnh thủy lưu thâm – Nước lặng chảy vào chỗ sâu: đạo làm người là không khoa trương, có thái độ khiêm nhường, không để cho mâu thuẫn ràng buộc, không để cho dục vọng trôi buộc”.... Một số câu thơ điển tả như sau:

(VD 15) “朗如日月, 清如水镜/Lãng như nhật nguyệt, thanh như thủy kính – Sáng như mặt trăng mặt trời, trong như dòng nước và gương sáng”. (Dương Quỳnh 《鄞县令扶风奚兢字思谨赞》 *Thê huyện lệnh phủ phong độc kinh tự tư cẩn tán*) (Trần Trọng Kim - tuyển dịch, 1995).

Ý thơ ca ngợi quan lại thời xưa thanh liêm chính trực. Ngày nay ví với những người có nhân cách và tiết tháo cao thượng, được mọi người ngưỡng mộ.

(VD 16) “息阴无恶木, 饮水必清源/Tức âm vô ác mộc, ẩm thủy tất thanh nguyên – Nghỉ dưới tán cây cần chọn cây lành, uống nước sông cần chọn nơi có nguồn nước sạch”. (Vương Duy 《济上四贤咏》 *Tế thượng tứ hiền vịnh/Vịnh Tế Thượng Tứ hiền*) (Trần Trọng Kim - tuyển dịch, 1995).

Tứ thơ miêu tả phẩm cách thanh bạch, cao thượng của con người.

(VD 17) “在山泉水清, 出山泉水浊/Tại sơn tuyền thủy thanh, xuất sơn tuyền thủy trọc – Nước nguồn trong núi thì trong, nước ra khỏi núi nước trong đục ngầu”.

Đỗ Phủ đã ví sự thanh tao của ẩn sĩ khi sống trong núi, nhưng khi rời núi về với đời thường thì tâm hồn lại bị vẩn đục. (Đỗ Phủ 《佳人》/Giai nhân) (Trần Trọng Kim - tuyển dịch, 1995).

3.6. Nước là trí tuệ và tài năng

Người Trung Quốc thường nói đến kiến thức với nhiều tầng bậc khác nhau, càng đi sâu nghiên cứu sẽ càng thấy được những điều tinh túy. Có cách diễn đạt như sau:

(VD 18) “知识好像砂石地下的泉水, 掘得越深越清澈/Kiến thức giống như dòng suối ngầm dưới lớp cát sỏi, càng đào sâu xuống thì càng trong” (<https://mojim.com/twy106358x1x1.htm>).

(VD 19) “小溪声喧哗, 大海寂无声/Con suối nhỏ tiếng nước chảy ào ào, biển lớn tịch mịch lặng tiếng” (<https://mojim.com/twy106358x1x1.htm>).

Ví dụ (19) miêu tả người có chút công trạng hay kiến thức thường ồn ào khoe khoang, lớn tiếng ồn ào như tiếng nước suối nhỏ tuôn chảy; người thực sự có kiến

thức uyên thâm, bác học thường khiêm nhường ít tiếng, ví như sự tĩnh mịch của biển cả.

Trong tiếng Hán còn dùng: “求贤若渴/Cầu hiền nhược khát – Tìm người tài như người khát tìm nước uống/khát khao tìm kiếm nhân tài”, “沧海拾珠/Thương hải thập châu – Nhật châu ngọc nơi biển cả/tìm kiếm nhân tài”, “蛟龙得水/Giao long đắc thủy – Giao long gặp nước: nhân tài có đất dụng võ”, “激浊扬清/Kích trọc dương thanh – Gạn đục khơi trong/chọn lấy người tài”... để chỉ địa vị quan trọng của người có tài. Hoặc miêu tả những người giỏi giang qua cách diễn đạt: “八仙过海/Bát tiên quá hải – Tám vị tiên vượt biển/mỗi người có một biệt tài”, “口若悬河/Khẩu nhược huyền hà – miệng như nước chảy trên cao/có biệt tài hùng biện”, “智者乐水/trí giả nhạc thủy – Người thông minh biết trị nước/người thông minh thường xử lí công việc, phản ứng linh hoạt như nước chảy”....

3.7. Nước là công sức và nghị lực

Nước chảy sinh ra công lực, tạo ra năng lượng. Trong tiếng Hán diễn đạt: “涓涓不息, 而成江河/Quyên quyên bất tức, nhi thành giang hà – Dòng nước nhỏ chảy chậm, cũng tích thành sông lớn/tích tiểu thành đại”, “不到黄河不死心/Bất đáo Hoàng Hà bất tử tâm – Chưa đến Hoàng Hà thì lòng chưa nản/làm đến cùng”, “河山带砺/Hà sơn đới lệ – Hoàng Hà sông dài và hẹp, Thái Sơn đá thô ráp/dầu bao lâu, biển cổ thế nào cũng không thay đổi”, “中流砥柱/Trung lưu để trụ – Núi Đế Trụ vững chắc trong dòng xiết Hoàng Hà: trụ cột vững vàng”... để biểu đạt nghị lực, quyết tâm của con người.

(VD 20) “凭他的那种水滴石穿的学习毅力一定能像艺术的高峰发展/Với nghị lực học tập bền bỉ như vậy, nó nhất định sẽ vươn tới đỉnh cao của nghệ thuật” (http://blog.sina.com.cn/s/blog_405935730101dv69.html).

Trong ví dụ trên, “水滴石穿/Thủy đề thạch xuyên – Nước nhỏ giọt nhưng có thể xuyên qua đá”, cũng chính là sự miêu tả ý chí bền bỉ, quyết tâm của con người.

Những ngữ cố định tiếng Hán biểu thị sự uống phí công sức con người liên quan đến nước thường gặp như: “精卫填海/Tinh Vệ điền hải – Dã tràng xe cát/công dã tràng, công cóc”, “打水漂/đả thủy phiêu – ném đá lướt trên mặt nước/uống phí công sức mà không thu được kết quả gì”, tương tự còn có các ngữ cố định khác, như “海底捞月/hải đế lao nguyệt – mò trăng đáy nước”, “竹篮打水/trúc lam đả thủy – dùng làn tre múc nước”, “煎水作冰/chiên thủy tác băng – rán nước làm băng”....



Tiếng Hán đã ý niệm hóa, nhân cách hóa thực thể nước bằng những ngôn từ liên quan đến tự nhiên, xã hội và con người qua một số mô hình ẩn dụ ý niệm cấu trúc nêu trên. Với các mô hình ẩn dụ ý niệm bản thể và định hướng qua MIỀN NGUỒN là thành tố *nước* trong tiếng Hán, chúng tôi xin được luận bàn trong những nghiên cứu sau này.

4. KẾT LUẬN

Trải qua quá trình lịch sử, tiếng Hán đã chứa đựng trong mình những trầm tích văn hóa của các dân tộc Trung Hoa. Từ góc nhìn ẩn dụ ý niệm khúc xạ qua thành tố nước, bước đầu chúng ta có thể thấy được một số nét chấm phá của đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc. Là một trong ngũ hành, nước dưới góc nhìn của người Trung Quốc có rất nhiều đặc tính phức tạp, mang cả ý nghĩa tích cực và tiêu cực ảnh xạ đến con người. Do đó, ý nghĩa ẩn dụ của *nước* trong ngôn ngữ Hán khá đa dạng, thể hiện rõ nét đặc điểm tri nhận, khả năng tư duy liên tưởng, gắn nước với đời sống xã hội của con người. Cho thấy, ẩn dụ ý niệm của *nước* không chỉ là vấn đề thuần túy ngôn ngữ, mà còn là vấn đề văn hóa hết sức lý thú. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đã cố gắng làm rõ mô hình ẩn dụ ý niệm của nước với con người trong ngôn ngữ Hán qua 7 tiểu loại khác nhau, gồm: *nước* đã đóng vai trò là miền nguồn ảnh xạ tới *diện mạo, đặc điểm tính cách, tâm trạng, tình cảm, phẩm chất, trí tuệ, công sức và nghị lực của con người*. Tuy nhiên, những nội dung trên mới chỉ điểm qua ở một góc rất hẹp, còn tản mạn, chưa thể giải nghĩa thấu đáo, rõ ràng, đầy đủ về các vấn đề ẩn dụ ý niệm trong tiếng Hán. Chúng

tôi hy vọng tới đây sẽ tiếp tục có những nghiên cứu để bổ sung tài liệu cho nghiên cứu, đối chiếu và dạy học ngôn ngữ – văn hóa nước ngoài tại Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo:

1. Phan Thế Hưng (2007), *Ẩn dụ ý niệm*, Tạp chí Ngôn ngữ, Số 7, tr. 9.
2. Trần Trọng Kim - tuyển dịch (1995), *Đường thi*, NXB Văn hóa Thông tin TP. Hồ Chí Minh.
3. Lí Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, NXB Phương Đông, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Tôn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. G. Lakoff and M. Johnson (1980), *Metaphor we live by*, Chicago, London.
6. <<http://www.newxue.com/jingdianyu-lu/134466164610869.html>>.
7. <<http://bbs.tianya.cn/post-poem-126051-1.shtml>>.
8. <http://blog.sina.com.cn/s/blog_405935730101dv69.html>.
9. <<https://mojim.com/twy106358x1x1.htm>>.

ON THE CONCEPTUAL CHINESE METAPHORS OF SHUI/WATER AS RELATED TO HUMANS

CAM TU TAI

Abstract: *Water* is the resource of life, is one of the compounds forms and nurtures all creatures on earth. *Water* is also more closely linked with each person, every nation and every culture. In Chinese and Chinese culture, *water* is mapped to a lot of phenomena, objects and contexts. This article is conducted based on the theory of conceptual metaphors by Lakoff and Johnson (1980) and through a preliminary analysis of some conceptual metaphors which are mapped to *water* elements in Chinese vocabulary. The article shows that *water*, with its inherent properties through the process of thinking and cognition, characterizes the Chinese culture whose role is the reflection source to the target source of human and their movements in social life. The articles depicts the metaphors of *water*, which contain human-related attributes are *face, characteristic, mood, emotion, quality, intelligence, industriousness and determination*. The research is undertaken in an attempt to make a contribution to the teaching and researching of foreign languages and cultures in Vietnam and elsewhere.

Keywords: *conceptual metaphors, Chinese, cognition, culture.*